TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phạm Thị Phượng;

2/- Bà Lý Thị Bé Năm.

- Thư ký phiên tòa*: Ông Bùi Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy Tm gia phiên tòa: *Bà Phạm Trà My – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 395/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: anh **Lê Văn T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Anh T có mặt tại phiên tòa, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị H cưới nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2012 ngày 24/02/2012. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H tự ý lấy giấy tờ gia đình đi vay tiền tiêu xài riêng, khi anh phát hiện la rầy thì chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh nhiều lần tìm cách liên lạc nhưng chị H lánh mặt.

Nhận thấy vợ chồng có sự khác biệt quá lớn về lối sống, chị H không quan tâm gia đình, tự ý bỏ nhà đi giao 03 con chung cho anh nuôi, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Giữa anh và chị H có 03 con chung: Lê Thị Tường V sinh ngày 14/6/2009, Lê Quốc T sinh ngày 15/8/2012 và Lê Thị Thảo M sinh ngày 10/7/2014, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không Tm gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Chị H vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát Tm gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Giữa anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2012 ngày 24/02/2012.

Tại phiên tòa anh T xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn do chị H tự ý bỏ nhà đi không quan tâm gia đình, cuộc sống vợ chồng không tìm thấy hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Chị H không có văn bản phản đối yêu cầu của anh T, không Tm gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và và chị H thực tế có phát sinh; chị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị H.

[3]. Giữa anh T và chị H có 03 con chung hiện do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Cháu V có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được sống chung với anh T.

Chị H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: các cháu V, T, M hiện đang sống ổn định với anh T, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu nên áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và

Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, giao 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí:

Anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát Tm gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Giao 03 cháu Lê Thị Tường V sinh ngày 14/6/2009, Lê Quốc T sinh ngày 15/8/2012 và Lê Thị Thảo M sinh ngày 10/7/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí:

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01949 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên anh T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục TDS TX Cai Lậy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ ẨM
Ẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT